

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ và Chương trình số 02-CTr/TU ngày 19/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 153/NQ-CP*) và Chương trình số 02-CTr/TU ngày 19/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị (*sau đây viết tắt là Chương trình số 02-CTr/TU*); UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 153/NQ-CP, Chương trình số 02-CTr/TU, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, các nghị quyết quan trọng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy qua từng giai đoạn và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

2. Xác định các nhiệm vụ cụ thể để các Sở, ngành, đơn vị xây dựng kế hoạch hành động, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 153/NQ-CP và Chương trình số 02-CTr/TU, hiện thực hóa mục tiêu tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng của tỉnh trong tình hình mới.

3. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị và Nhân dân trong tỉnh về hội nhập quốc tế trong tình hình mới, từ đó phát huy sức mạnh tổng hợp, sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp trong việc triển khai các hoạt động hội nhập quốc tế của tỉnh trên mọi lĩnh vực.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, đổi mới tư duy, nhận thức và hành động trong hội nhập quốc tế

- Xây dựng và tổ chức triển khai tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 153/NQ-CP, Chương trình số 02-CTr/TU và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế theo hướng: đa

dạng hóa, đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng; làm rõ yêu cầu đổi mới tư duy, nhận thức và hành động trong hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

- Tăng cường, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới; chủ động đấu tranh, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá, “diễn biến hòa bình”, can thiệp nội bộ Việt Nam của các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán, các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Việt Nam phù hợp với luật pháp quốc tế.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân, nhất là thế hệ trẻ, về nhận thức, trách nhiệm nhằm sức đề kháng, khả năng chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tiến trình hội nhập quốc tế.

2. Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế phục vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số

- Triển khai các chiến lược, chương trình, kế hoạch hành động về hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm hài hòa, đồng bộ với Chương trình của Chính phủ và Ban Thương vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW; xem xét bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp mới để đáp ứng những yêu cầu mới đặt ra đối với sự phát triển của đất nước nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng hợp tác kinh tế quốc tế, xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới; tận dụng các cơ chế hợp tác song phương, đa phương và nguồn lực bên ngoài nhằm hỗ trợ doanh nghiệp trong tỉnh tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đẩy mạnh liên kết số, các liên kết về chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị...

- Khuyến khích và tạo thuận lợi cho phát triển thương mại điện tử, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thị trường các-bon, giảm phát thải khí nhà kính, góp phần tạo động lực mới cho tăng trưởng.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế tài chính và nâng cao chất lượng cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp và thu hút nguồn lực quốc tế.

- Đa dạng hóa và đẩy mạnh triển khai các cơ chế, chính sách để thúc đẩy khơi thông thị trường vốn cho doanh nghiệp, phù hợp với thông lệ quốc tế và khu vực, hỗ trợ các tập đoàn kinh tế mở rộng quy mô, nâng cao năng lực dẫn dắt chuỗi giá trị trong nước, số hóa chuỗi cung ứng và tham gia sâu rộng vào thị trường toàn cầu; hỗ trợ kỹ thuật, nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia các chuỗi sản xuất, chuỗi giá trị và chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tích cực hợp tác quốc tế; tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển đột phá trong một số lĩnh vực mới, tiềm năng; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và mô hình kinh doanh bền vững.

- Thu hút đầu tư nước ngoài, thu hút đầu tư chất lượng cao, trong đó có FDI, viện trợ phát triển chính thức (ODA) thể hệ mới và viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO), tài chính xanh, ưu tiên các dự án có quy mô vốn đầu tư lớn với hàm lượng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, các khu công nghiệp sinh thái - thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo, logistics, cơ sở hạ tầng chiến lược; đồng thời thu hút các tập đoàn lớn có khả năng dẫn dắt chuỗi cung ứng như công nghệ thông tin, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo.

- Thu hút các tập đoàn lớn có vai trò dẫn dắt một số chuỗi cung ứng quan trọng như công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo... đầu tư và mở rộng kinh doanh tại tỉnh; tăng cường đầu tư, hoàn thiện thể chế, cơ sở hạ tầng, đào tạo nhân lực chất lượng cao để thu hút các tập đoàn lớn đầu tư vào tỉnh. Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; chủ động hình thành phương án, biện pháp phòng, chống việc lợi dụng hội nhập kinh tế quốc tế để xâm phạm an ninh quốc gia.

- Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp tỉnh và doanh nghiệp FDI trong chuỗi cung ứng; khuyến khích doanh nghiệp lớn chuyển giao công nghệ, hỗ trợ quản trị – kỹ thuật, nâng cao tỉ lệ nội địa hóa.

- Khuyến khích các doanh nghiệp lớn cam kết chuyển giao công nghệ, kỹ năng quản trị, thử nghiệm sản phẩm, hỗ trợ kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh; thúc đẩy và tăng tỉ lệ nội địa hóa thông qua liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp của tỉnh, nhất là trong các ngành công nghiệp nền tảng, mũi nhọn, ưu tiên.

- Nghiên cứu thành lập Trung tâm tư vấn, xúc tiến công nghiệp hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp FDI - doanh nghiệp của tỉnh tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trọng điểm của tỉnh.

- Tích cực hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp của tỉnh đăng ký bảo hộ thương hiệu quốc tế, hình thành và triển khai các cơ chế giám sát sử dụng thương hiệu và các biện pháp bảo hộ bổ sung.

- Nâng cao năng lực cho các cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội doanh nghiệp của tỉnh trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp tăng cường liên kết với khu vực đầu tư nước ngoài và phòng ngừa, ứng phó với các tranh chấp phát sinh trong quan hệ đầu tư, thương mại quốc tế.

- Hình thành và triển khai kế hoạch/định hướng thúc đẩy phát triển văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân Việt Nam có khả năng thích ứng cao với môi trường hội nhập và trên cơ sở học hỏi, tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa doanh nghiệp tốt đẹp của quốc tế.

- Tham gia xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù về việc phát triển và áp dụng mô hình kinh tế mới, mô hình quản trị và kinh doanh tiên tiến, hỗ trợ một số ngành mới nổi, trong đó có công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, năng lượng sạch, nhằm tạo động lực tăng trưởng dài hạn.

- Khuyến khích phát triển mạnh kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thị trường các-bon, gắn với giảm phát thải và tăng năng suất.

- Bảo đảm yêu cầu quốc phòng - an ninh trong quá trình thu hút đầu tư và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Góp phần nghiên cứu, đề xuất tham gia các dự án hạ tầng giao thông kết nối liên vùng và quốc tế, góp phần xây dựng một mạng lưới giao thông vận tải đồng bộ, hiệu quả, phục vụ hội nhập kinh tế. Tận dụng hiệu quả nguồn lực từ các sáng kiến, chương trình kết nối khu vực như ASEAN, APEC, tiểu vùng Mê Công.

3. Hội nhập quốc tế về chính trị, quốc phòng, an ninh sâu rộng, toàn diện và hiệu quả hơn, góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa

- Triển khai mạnh mẽ các Nghị quyết, Chỉ thị, Kết luận, Đề án và các văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đối ngoại, trong đó có Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 09/01/2023 của Bộ Chính trị về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội Đảng lần thứ XIII, Kết luận số 71-KL/TW ngày 16/02/2024 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ giải pháp lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội Đảng lần thứ XIII về phát triển và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các nước láng giềng, các nước lớn, các nước Đông Nam Á, các đối tác quan trọng khác và bạn bè truyền thống. Triển khai hiệu quả Kết luận số 82-KL/TW ngày 04/6/2024 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và đối ngoại Công an nhân dân đến năm 2030 và những năm tiếp theo; Kết luận số 53-KL/TW ngày 28/4/2023 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng đến năm 2030 và những năm tiếp theo, Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 13/7/2023 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.

- Chủ động tham gia các cơ chế chia sẻ thông tin, cảnh báo sớm và ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống; tăng cường hợp tác quốc tế về đấu tranh phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia, tội phạm có yếu tố nước ngoài và các cơ chế hợp tác thực thi pháp luật song phương và đa phương.

- Tiếp tục triển khai hiệu quả Chỉ thị số 32-CT/TW ngày 18/02/2019 về tăng cường và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại đảng trong tình hình mới; nâng cao tính chiến lược trong công tác đối ngoại Đảng; đa dạng hóa hình thức triển khai và điều chỉnh phương thức hợp tác phù hợp từng đối tác để nâng cao hiệu quả thực chất.

- Đẩy mạnh hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh với các đối tác, nhất là các nước láng giềng, các nước ASEAN, các đối tác quan trọng, bảo đảm việc hợp tác phù hợp với lợi ích quốc gia và điều kiện đặc thù của tỉnh trong quản lý biên giới và bảo đảm an ninh địa bàn.

- Tăng cường và đa dạng hóa các hình thức trao đổi, đối thoại, giao lưu hữu nghị và hợp tác với các lực lượng quản lý, bảo vệ biên giới của nước có chung đường biên; thực hiện hiệu quả các hiệp định, thỏa thuận, quy chế về quản lý biên giới; tăng cường phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh về an ninh trật tự, thiên tai, dịch bệnh tại khu vực biên giới, cửa khẩu ngay từ cơ sở.

- Tập trung thực hiện hiệu quả các thỏa thuận về công tác biên phòng, đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ vững môi trường hòa bình – ổn định trên toàn tuyến biên giới.

4. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển bền vững và hiện đại hóa tỉnh Đắk Lắk

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, gắn với Kế hoạch hành động của tỉnh và trọng tâm là mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu – chuyển giao – ứng dụng công nghệ mới.

- Nghiên cứu, đề xuất ký kết các thỏa thuận hợp tác mới trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phù hợp điều kiện của tỉnh.

- Vận động các đối tác quốc tế hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và chia sẻ kinh nghiệm phát triển hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp bán dẫn và các lĩnh vực công nghệ mới nổi.

- Học tập kinh nghiệm quốc tế, ứng dụng kịp thời các thành tựu, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện của tỉnh; tăng cường ngoại giao công nghệ và huy động nguồn lực trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ công nghệ ở các ngành sản xuất trọng điểm.

- Tăng cường hợp tác quốc tế về phát triển nhân lực chất lượng cao, nhất là các đối tác phát triển, bảo đảm đội ngũ có khả năng làm chủ công nghệ tiên tiến gắn với các ngành ưu tiên, mũi nhọn và lĩnh vực mới nổi.

- Cử lãnh đạo và cán bộ chuyên môn tham dự đầy đủ các hội nghị toàn quốc về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước nhằm cập nhật xu hướng và mở rộng kết nối hợp tác.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong y tế và môi trường nhằm nâng cao năng lực y tế cơ sở, ứng phó dịch bệnh, phát triển y học dự phòng, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích khu vực tư nhân tham gia nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, thông qua các hình thức hợp tác công tư và cơ chế hỗ trợ khuyến khích phù hợp.

5. Đẩy mạnh hội nhập quốc tế về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác

- Mở rộng, đa dạng hóa hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực văn hóa, thông tin, xã hội, du lịch, thể thao, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế, lao động, nông nghiệp và các lĩnh vực khác phù hợp với lợi ích và điều kiện cụ thể của tỉnh.

- Triển khai các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế song phương và đa phương trong lĩnh vực văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế, lao động, nông nghiệp,... đặc biệt trong lĩnh vực lao động gắn với nâng cao chất lượng cuộc sống và điều kiện làm việc, ưu tiên các thị trường thu nhập cao, tiêu chuẩn tiên tiến

- Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ về hội nhập văn hóa trong khuôn khổ Chương trình Mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025- 2035.

- Thực hiện hiệu quả Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, gắn với các hoạt động đối ngoại về kinh tế, chính trị và nhân dân, nhằm nâng cao hình ảnh, vị thế và bản sắc văn hóa Đắk Lắk trên trường quốc tế, gắn với các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về xây dựng, phát triển văn hóa và con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

- Phát triển hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an sinh xã hội, phúc lợi cộng đồng, hỗ trợ giảm nghèo đa chiều, bình đẳng giới, phát triển thanh niên, nâng cao đời sống người dân.

- Triển khai hiệu quả Đề án Định hướng thu hút và quản lý vốn FDI trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; Đề án Định hướng thu hút, quản lý và sử dụng nguồn vốn ODA và các nguồn vốn vay ưu đãi khác của các nhà tài trợ và viện

trợ phi Chính phủ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Đề án thúc đẩy xuất khẩu nông lâm thủy sản đến năm 2030. Nghiên cứu và đề xuất ký kết, hợp tác quốc tế mới trong lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân phát triển các sản phẩm, thương hiệu văn hóa có năng lực cạnh tranh quốc tế. Tăng cường quản lý, kiểm soát sản phẩm văn hóa độc hại và thông tin sai lệch nhằm bảo đảm an ninh văn hóa, an ninh con người.

- Đăng cai tổ chức các sự kiện quốc tế về văn hóa, thể thao, du lịch và tăng cường quảng bá hình ảnh, văn hóa của tỉnh ra nước ngoài.

- Thúc đẩy chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong văn hóa; phát triển văn hóa số và công nghiệp văn hóa số; triển khai hiệu quả Chương trình số hóa Di sản văn hóa Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030; bảo vệ bản quyền số cho các sản phẩm văn hóa; xây dựng di sản văn hóa số và hệ sinh thái văn hóa số.

- Triển khai hiệu quả Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2030; chú trọng nâng cao điều kiện sống - làm việc của người lao động và các thị trường có thu nhập cao, tiêu chuẩn lao động cao, tiên tiến.

- Đẩy mạnh công tác đưa người lao động của tỉnh đi làm việc ở nước ngoài, mở rộng thị trường việc làm an toàn, thu nhập cao, bảo đảm quyền lợi của người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- Đào tạo và phát triển nhân lực chất lượng cao; nâng cao kỹ năng học tập suốt đời, năng suất lao động Đắc Lắc để đáp ứng yêu cầu hội nhập.

- Bảo đảm quyền lợi hợp pháp, của công dân tỉnh ở nước ngoài; thực hiện tốt công tác bảo hộ công dân. Tăng cường trao đổi thông tin, học hỏi kinh nghiệm quốc tế trong công tác quản lý lao động và vận dụng phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Vận động các đối tác quốc tế hỗ trợ nguồn lực và tri thức trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên, bảo đảm an ninh môi trường, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, thích ứng biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh hợp tác phát triển du lịch với các thị trường có tiềm năng, có nguồn khách lớn, có mức chi tiêu cao và lưu trú dài ngày. Hỗ trợ doanh nghiệp và địa phương phát triển các dịch vụ và sản phẩm du lịch chất lượng cao; thu hút hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư và đào tạo nhân lực chất lượng cao về du lịch; phát huy các thế mạnh du lịch của tỉnh.

- Hỗ trợ các trường đại học, cao đẳng hợp tác, liên kết với cơ sở giáo dục - đào tạo quốc tế chất lượng cao; thúc đẩy công nhận về văn bằng, chứng chỉ, chương trình đào tạo và kỹ năng nghề với các nước.

- Hợp tác quốc tế về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đào tạo nhân lực, quản lý khám chữa bệnh, y tế dự phòng, quản lý môi trường và thiết bị y tế.

- Đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế về lĩnh vực công tác dân tộc và tôn giáo, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố an ninh quốc phòng.

- Triển khai hiệu quả Kết luận số 57-KL/TW ngày 15/6/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin đối ngoại trong tình hình mới.

6. Nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế gắn với tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực thi và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật trong nước

- Triển khai hiệu quả các chiến lược/kế hoạch hội nhập quốc tế theo ngành, lĩnh vực. Lồng ghép đầy đủ các nhiệm vụ hội nhập quốc tế vào trong chương trình công tác, kế hoạch hàng năm của tỉnh.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực xây dựng và thực thi pháp luật, cải cách hành chính và cải cách tư pháp.

- Tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành trong rà soát, kiểm tra, đôn đốc và giám sát thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế trong các lĩnh vực; chỉ đạo rà soát, đôn đốc việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế; cập nhật, nhắc lại và thúc đẩy việc thực hiện các cam kết đã ký hoặc được đề cập trong các chuyến thăm và làm việc với các đối tác nước ngoài.

- Nâng cao năng lực giải quyết tranh chấp, khiếu nại phát sinh trong quá trình thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế, đặc biệt trong thương mại, đầu tư và các lĩnh vực có rủi ro pháp lý cao.

7. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều phối công tác hội nhập quốc tế; phát huy vai trò tích cực, chủ động của các địa phương

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo hội nhập quốc tế của tỉnh theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, bảo đảm phối hợp đồng bộ, thống nhất về định hướng và phương thức hoạt động với Ban Chỉ đạo quốc gia; xây dựng cơ chế phối hợp, chia sẻ dữ liệu, thông tin kịp thời giữa các ngành, địa phương để chủ động nhận diện xu hướng quốc tế, chính sách của đối tác và các vấn đề có thể tác động đến tỉnh, kịp thời phòng ngừa rủi ro, tận dụng cơ hội và huy động nguồn lực từ hội nhập.

- Tăng cường phối hợp, trao đổi thông tin giữa tỉnh với các bộ, cơ quan đầu mối về đối ngoại và hội nhập quốc tế nhằm tạo chuyển biến thực chất trong công tác phối hợp triển khai nhiệm vụ, chủ động nhận diện, nắm tình hình quốc tế, những vấn đề nổi lên trong quan hệ với các đối tác, việc điều chỉnh chủ trương, chính sách của các đối tác; phòng ngừa, hạn chế các tác động tiêu cực, tận dụng tối đa yếu tố thuận lợi và tranh thủ nguồn lực từ quá trình hội nhập quốc tế.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế phù hợp với tình hình mới, đồng thời chú trọng tận dụng nguồn lực quốc tế trong công tác này. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ luật pháp quốc tế, có

khả năng tham gia hòa giải, giải quyết tranh chấp quốc tế.

- Mở rộng và tăng cường hợp tác, kết nghĩa với địa phương của các nước láng giềng, đối tác quan trọng và bạn bè truyền thống; hợp tác với các tổ chức quốc tế và các đối tác nước ngoài nhằm tranh thủ kinh nghiệm quản trị và nguồn lực để phát triển bền vững; tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới của các thành phố, đô thị.

- Nâng cao hiệu quả quảng bá, giới thiệu tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường du lịch và xây dựng; phát triển thương hiệu địa phương và hình thành các sáng kiến liên kết du lịch trong khu vực; hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh kết nối với các doanh nghiệp quốc tế để tiếp cận thị trường, nguồn vốn và công nghệ, tham gia chuỗi sản xuất khu vực và quốc tế; nâng cao hiệu quả của các hoạt động tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin, dự báo thị trường quốc tế, ứng phó với các biện pháp bảo hộ, phòng vệ thương mại của các nước; thúc đẩy ứng dụng các công nghệ cao trong sản xuất, kinh doanh và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phù hợp với đặc thù của tỉnh.

- Tranh thủ hỗ trợ của Trung ương để mở rộng hội nhập quốc tế về văn hóa gắn với bảo tồn, phát huy và quảng bá các giá trị văn hóa đặc trưng của tỉnh; tăng cường hợp tác quốc tế để phát triển ngành công nghiệp văn hóa, tạo ra các sản phẩm văn hóa đặc trưng có sức cạnh tranh quốc tế; tăng cường kết nối, hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, trường đại học, cơ sở giáo dục và y tế quốc tế, phục vụ nhu cầu đào tạo nhân lực và chăm sóc sức khỏe của tỉnh.

- Tăng cường trao đổi với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài trong triển khai công tác ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ, ngoại giao số và các lĩnh vực ngoại giao chuyên ngành khác, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ *(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ưu tiên bố trí nguồn lực về tài chính để đảm bảo triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này.

2. Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước theo phân cấp; nguồn ngân sách chi cho hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; nguồn xã hội hóa, nguồn viện trợ và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban ngành, đơn vị liên quan:

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện *(qua Văn phòng UBND tỉnh)*.

- Rà soát các chương trình, kế hoạch thực hiện các Nghị quyết, Kế hoạch của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan để điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với Kế hoạch này.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh và các sở, ban ngành, địa phương liên quan tổng hợp, tham mưu cấp thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch (nếu có) đảm bảo theo quy định.

- Trên cơ sở dự toán do các sở, ban ngành, địa phương lập; có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả; thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Chính phủ, Bộ Ngoại giao và UBND tỉnh.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch; các sở, ban ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Văn phòng UBND tỉnh để tổng hợp và báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Ngoại giao (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh truyền hình Đắk Lắk;
- VPUB: CVP, PCVP, các phòng chuyên môn, TTPV-KSTTHC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NGV (A-03b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trương Công Thái